

Số: 150.16 /2016-CBTT

Ngày 23 tháng 09 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM****Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM****Tên CTQLQ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM****Tên Quỹ ETF niêm yết: Quỹ ETF VFMVN30****Mã chứng khoán: E1VFN30****Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM****Điện thoại: 08-3825 1488****Fax: 08-3825 1477****Người thực hiện CBTT: NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH****Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc****Loại thông tin công bố:** ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ**Nội dung thông tin công bố:****Công ty VFM thông báo cập nhật Bản Cáo Bạch của Quỹ ETF VFMVN30, ngày hiệu lực của Bản Cáo Bạch 28/09/2016.****Lý do: cập nhật các điểm thay đổi, một số nội dung chính như sau:**

- Cập nhật Người phụ trách công bố thông tin, Danh sách người điều hành quỹ, Ban Điều Hành của công ty VFM (đã công bố thông tin).
- Cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô.
- Cập nhật tình hình hoạt động của quỹ.
- Cập nhật thay đổi tên chỉ số VN30 đổi thành chỉ số VN30-TRI.
- Cập nhật các điểm mới của Thông tư 15/2016/TT-BTC liên quan đến quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp luật mới có liên quan, các thay đổi chính như sau:
 - + Điều 3.3: Tài sản đầu tư của quỹ.
 - + Chương V- Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (giao dịch sơ cấp):
 - Phần mở đầu của chương: bổ sung thêm quy định tài khoản giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
 - Điều 2.1.c- Thời gian giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ (hàng ngày).
 - Điều 2.2- Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi (bỏ giá phát hành và giá mua lại).

Tài liệu đính kèm: Bản Cáo Bạch của Quỹ ETF VFMVN30 cập nhật lần thứ ba.**Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF / công ty quản lý quỹ vào ngày 23/09/2016 tại đường dẫn www.vinafund.com của quỹ ETF / công ty quản lý quỹ.****Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.****Tp.HCM, ngày 23 tháng 09 năm 2016****Người công bố thông tin****NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
kiêm GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hoán đổi danh mục.

Quỹ ETF VFMVN30 được mô tả trong Bản cáo bạch này là quỹ hoán đổi danh mục được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bản cáo bạch này đã được đăng ký lần đầu tiên với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 04 tháng 07 năm 2014.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF VFMVN30

(Giấy chứng nhận thành lập số 14/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước
cấp ngày 18/09/2014)

Bản cáo bạch này được cập nhật lần thứ 3 và có hiệu lực kể từ ngày 28/09/2016

Tổ chức phát hành:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội:

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

- Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính sẽ được cung cấp tại công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định của Quỹ ETF VFMVN30 và tại trang web www.vinafund.com.

- Bản cáo bạch có thể được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ VFM không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF VFMVN30 do Công ty quản lý quỹ VFM và các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ VFM chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức phát hành.....	5
2. Ngân hàng giám sát.....	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA	6
III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
1. Kinh tế vĩ mô: hồi phục mạnh mẽ trong điều kiện thế giới biến động	11
2. Giới thiệu Chỉ số VN30-TRI	14
3. Cơ hội đầu tư vào Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs)	15
IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF VFMVN30	17
1. Thông tin chung về Quỹ ETF VFMVN30	17
1.1 Giấy phép thành lập và quy mô Quỹ	18
1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ	18
2. Tình hình hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30	18
3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ	18
4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ:	20
V. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF VFMVN30 (giao dịch sơ cấp).....	23
* Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ	23
1. Chào bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng (IPO).....	23
1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ.....	24
1.2 Đăng ký và góp vốn mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trong đợt chào bán lần đầu (IPO).....	25
1.2.1 Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn.....	25
1.2.2 Điều chỉnh hoặc hủy giao dịch đăng ký góp vốn	25
1.2.3 Giai đoạn thực hiện góp vốn	25
1.2.4 Phong tỏa chứng khoán cơ cấu góp vốn	26
1.2.5 Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ	26
1.3 Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu.....	27
1.4 Xác nhận quyền sở hữu, đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	27
1.5 Phương thức nộp bổ sung tiền phát sinh trong giai đoạn thành lập quỹ	27
1.6 Niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	29
1.7 Quy định về giao dịch của người có liên quan của Công ty VFM trong đợt phát hành	29
2. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp)	29
2.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.....	29
2.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi.....	32
2.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	32
2.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu	35
2.5 Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cho nhà đầu tư	36
2.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định	37
2.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	38
2.8 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...).....	38
2.9 Xác nhận giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	38

2.10 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ	39
2.11 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	39
3. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)	39
VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC	40
1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ VFM	40
1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị	41
1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM	42
1.3 Giới thiệu nhân viên quản trị quỹ	42
2. Thành viên lập quỹ	42
3. Danh sách Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	42
4. Ngân Hàng Giám Sát	42
5. Công Ty Kiểm Toán	43
6. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Quản Trị Quỹ	43
7. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng	43
8. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng	43
VII. PHÍ, LỆ PHÍ	48
1. Các loại phí do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trả:	48
1.1 Phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30	48
1.2 Phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu	48
2. Các loại phí do Quỹ trả:	48
3. Các chỉ tiêu hoạt động	51
3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ	51
3.2 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)	51
VIII. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ	52
IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	52
X. CĂN CỨ PHÁP LÝ	53
XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	54
XII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	55
XIII. CAM KẾT	55
XIV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	55

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: 08 3825 1488

Fax: 08 3825 1489

Ông DOMINIC SCRIVEN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông TRẦN THANH TÂN

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Ông: NIRUKT NARAIN SAPRU

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 và theo quy định pháp luật. Bằng việc ký vào bản cáo bạch này, Ngân hàng giám sát xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ ETF VFMVN30”

Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”

(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ.

“Dragon Capital Management Limited”

(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.

“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”

(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301103908 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu vào ngày 13/01/1992, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.

“Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM”

(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

“Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội”

(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

“Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam”

(Sau đây gọi tắt là VSD) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

“Ngân hàng giám sát và lưu ký”

(Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa

	vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ETF VFMVN30, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF VFMVN30 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Thành viên lập quỹ”	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ VFM.
“Tổ chức tạo lập thị trường”	Là thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ VFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF VFMVN30. Công ty quản lý quỹ VFM có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF VFMVN30.
“Đại lý phân phối”	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ VFM và thành viên lập quỹ.
“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”	Là ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quan hệ khách hàng.
“Điều lệ quỹ”	Điều lệ quỹ lần đầu do Công ty quản lý quỹ VFM xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 229/2012/TT-BTC. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua Điều lệ lần đầu này.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF VFMVN30. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF VFMVN30.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ.

“Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VFMVN30. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Lô chứng chỉ quỹ”	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ và được quy định cụ thể tại mục 1, phần IV của Bản cáo bạch. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ VFM có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF tuy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) chứng chỉ quỹ.
“Giá phát hành lần đầu”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại điểm a, mục 1.1, Phần VII của Bản cáo bạch này.
“Giá giao dịch hoán đổi”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ và ngược lại. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Giá trị giao dịch”	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.
“Phí phát hành”	Là phí mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí phát hành này sẽ được quy định tại điểm a, b, mục 1.1, Phần VII của Bản cáo bạch này.
“Phí mua lại”	Là phí mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.

	Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch hoán đổi. Phí mua lại này sẽ được quy định tại mục 1.2, Phần VII của Bản cáo bạch này.
“Lợi tức quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF VFMVN30 sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ được tính từ ngày Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ ETF VFMVN30 là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ”	(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 được xác định trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM và trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định pháp luật hiện hành.
“Hoán đổi danh mục”	Là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ

	ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	Là ngày định giá mà Quỹ ETF VFMVN30, thông qua Công ty quản lý quỹ VFM, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch. Trong trường hợp có thay đổi thời điểm đóng sổ lệnh Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo trước trên trang thông tin điện tử và cập nhật vào Bản cáo bạch.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ VFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ VFM;
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ VFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; - Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư; - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ VFM.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Kinh tế vĩ mô: hồi phục mạnh mẽ trong điều kiện thể giới biến động

Sau nhiều bất ổn trong giai đoạn 2010-2011 và khó khăn kéo dài trong năm 2012, kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ trong giai đoạn 2013-2015 và đã có các dấu hiệu bắt đầu một chu kỳ tăng trưởng mới. Các chỉ báo vĩ mô đã chỉ ra sự phục hồi và tăng trưởng rõ rệt của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015. Tuy tình hình kinh tế trong nước có các thay đổi lạc quan và hỗ trợ tốt cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán, các biến động kinh tế thế giới đã có các tác động bất lợi đến kinh tế và thị trường chứng khoán Việt nam trong giai đoạn nửa sau năm 2015. Các chỉ báo cho thấy kinh tế Việt nam đang bước gào chu kỳ tăng trưởng mới trong năm 2016.

GDP & sản xuất công nghiệp hồi phục

GDP Việt nam đã tăng trưởng 6,68% trong năm 2015. Đi cùng với mức tăng trưởng cao là sự ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng và ổn định thể hiện qua các chỉ số: lạm phát cả năm tăng 0,63%, tăng trưởng tín dụng đạt 17,29% và lãi suất cho vay tiếp tục giảm, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký 22,76 tỷ USD (tăng 12,5% so với năm 2014) và giải ngân đạt 14,5 tỷ USD (tăng 17,5% so với năm 2014). Chỉ số sản xuất công nghiệp và tiêu dùng tăng trưởng rõ rệt với mức tăng trưởng 9,8% (cao hơn 2% so với kế hoạch năm) và 9,5% (tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 8,4% sau khi điều chỉnh cho lạm phát, cao hơn mức 8,1% của năm 2014) Tăng trưởng xuất nhập khẩu đạt mức tốt (7,9% và 12% so với năm trước) với mức thâm hụt thương mại 3,54 tỷ USD tương đương 2,2% kim ngạch xuất khẩu. Cán cân thanh toán tổng thể dương trong năm 2015.

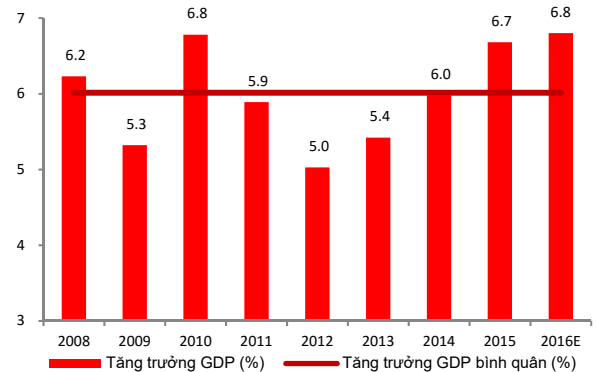
Hoạt động sản xuất luôn ở trong trạng thái mở rộng liên tục trừ giai đoạn suy giảm ngắn trong năm 2015. Chỉ số PMI tháng 3 2016 đạt 50,7 điểm tăng 0,4 điểm so với tháng 2 (50,3 điểm), đánh dấu tháng thứ 4 liên tiếp chỉ số PMI trong ngưỡng mở rộng sản xuất kể từ khi kết thúc đợt suy giảm ngắn nêu trên. Các số liệu chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2015 và quý 1 2016 cho thấy mức tăng trưởng thấp tốt.

Với hiệu quả của sự ổn định lãi suất và các gói hỗ trợ khác cho nền kinh tế, sản xuất đã thực sự cải thiện dần và đi theo hướng tích cực. Thêm vào đó, thu hút nguồn vốn đầu tư dưới tác động của các hiệp ước thương mại tự do đã hỗ trợ cho việc tăng quy mô hoạt động chế biến, chế tạo. Xu hướng này đang tiếp tục diễn ra tích cực cho tới năm 2018.

Xu hướng bán lẻ hàng hóa tích cực

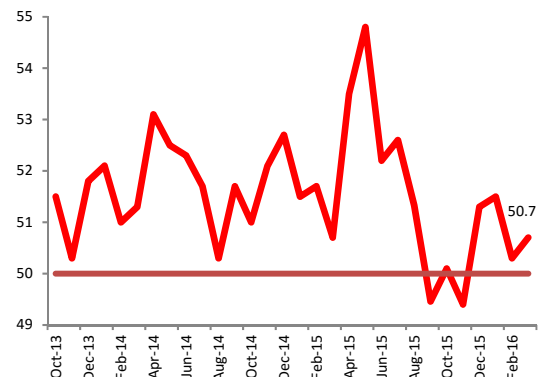
Tăng trưởng bán lẻ đang trong xu hướng tăng rõ rệt trong năm 2015. Tổng giá trị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 8,4% trong năm 2015, sau khi điều chỉnh cho lạm phát (cao hơn mức 8,1% của năm 2014). Việc tăng trưởng bán lẻ hàng hóa đã cho thấy xu hướng gia tăng tiêu dùng và phát triển tốt của khu vực thị trường nội địa. Theo Eurocham, WVB và Nielson, niềm tin kinh doanh và niềm tin người tiêu dùng đang ở mức cao nhất trong ba năm qua. Với việc lạm phát tiếp tục được kiểm soát và kinh tế phục hồi, bán lẻ hàng hóa và tiêu thụ trong nước được dự báo sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng trong năm 2016.

TĂNG TRƯỞNG GDP



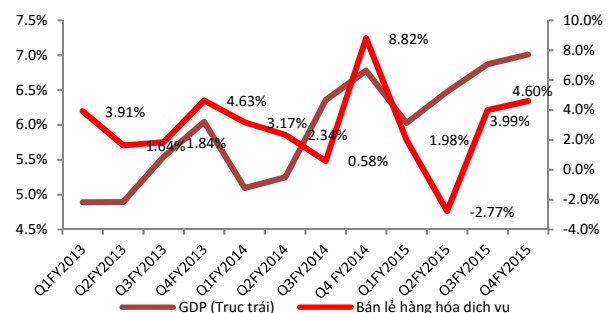
Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

VIỆT NAM MARKET PMI



Nguồn: Markit

TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ THEO QUÝ



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Lạm phát thấp nhất 10 năm

Năm 2015 sẽ là năm có mức lạm phát rất thấp trong nhiều năm khi CPI cả năm tăng 0,63% và lạm phát cơ bản tăng 2,05% so với năm 2014. Mức lạm phát thấp này có được nhờ sự giảm giá của mặt hàng lương thực, nhà ở vật liệu xây dựng và đặc biệt từ giá chi phí giao thông. Giá dầu mỏ giảm liên tục trong năm 2015 với mức giá cuối năm thấp hơn đầu năm 34% đã là tác nhân chính cho mức lạm phát thấp trong năm 2015. Trong năm 2016, tác động từ giá dầu giảm sẽ có khả năng tác động theo chiều ngược lại khi giá dầu đã suy giảm nhanh và có xu hướng tăng lại trong các tháng hướng về cuối năm. Bên cạnh đó các điều chỉnh giá dịch vụ y tế, học phí và giá điện đã được lên lộ trình tăng giá, đặc biệt giá dịch vụ y tế được điều chỉnh tăng đáng kể, sẽ là các yếu tố làm tăng CPI trong năm 2016. Ngoài các tác động từ các mặt hàng trong rổ hàng hóa, yếu tố CPI thấp trong năm 2015 cũng sẽ góp phần vào việc đẩy CPI 2016 tăng thêm. Các dự báo hiện tại cho thấy CPI năm 2016 có thể tăng từ 3% tới 5%.

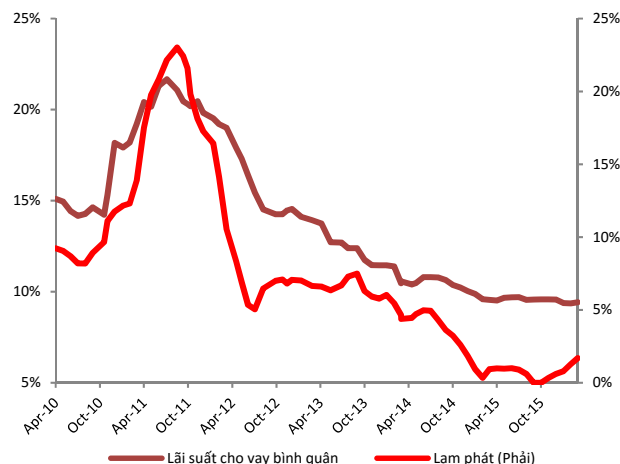
Đầu tư cho phát triển được duy trì tốt

Tổng đầu tư toàn xã hội được duy trì tốt trong giai đoạn 2013-2015, với giá trị đầu tư tương ứng 32,6%, 31% và 30,4% GDP các năm 2015, 2014 và 2013. Chính phủ đã đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt đối với các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh. Trong các năm gần đây, tỷ lệ đầu tư từ khối tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tăng nhanh. Chính sách kết hợp công tư đã phát huy được hiệu quả và làm thay đổi đáng kể hệ thống hạ tầng giao thông. Mục tiêu của Chính phủ là duy trì được tỷ lệ đầu tư toàn xã hội tương đương 31% GDP trong năm 2016. Trong giai đoạn 5 năm 2015-2020, đầu tư sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao để thay đổi hạ tầng phục vụ sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất toàn xã hội.

Tín dụng tăng trưởng khả quan và nợ xấu đang dần được cơ cấu

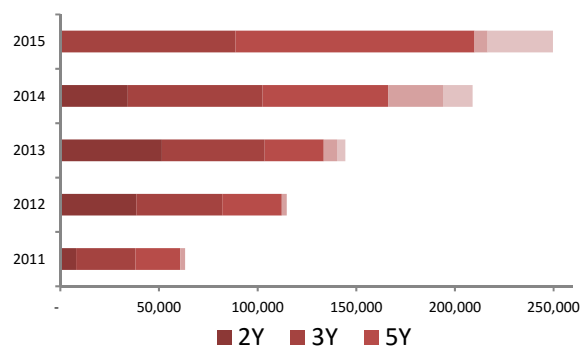
Tín dụng tăng trưởng khá tốt trong năm 2015 sau khi chạm đáy vào 2012-2013 do ngân hàng lo ngại rủi ro nợ xấu, nhu cầu thấp, và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao. Tín dụng năm 2015 tăng 17,4%. Đây là mức tăng trưởng tốt đã góp phần hỗ trợ mức tăng trưởng GDP 6,68% trong năm. Tín dụng tăng trưởng khá tốt trong ba tháng đầu 2016 ở mức 1,54% so với mức 1,25% cùng kỳ 2015. Tốc độ tăng cung tiền ra thị trường (M2) trong năm 2016 là 13,55%, thấp nhất trong các năm kể từ năm 2012. Tuy nhiên tốc độ tăng cung tiền này vẫn hỗ trợ được tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng tín dụng. Giảm tốc độ tăng cung tiền nhưng vẫn duy trì được các tăng trưởng mục tiêu cho thấy hệ thống ngân hàng và nền kinh tế đã hoạt động hiệu quả hơn. Trong năm 2016, dự kiến tốc độ tăng cung tiền cho nền kinh tế sẽ duy trì ở mức 13%-15%, tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 16%-18%.

LẠM PHÁT THẤP VÀ LÃI SUẤT CHO VAY ỔN ĐỊNH



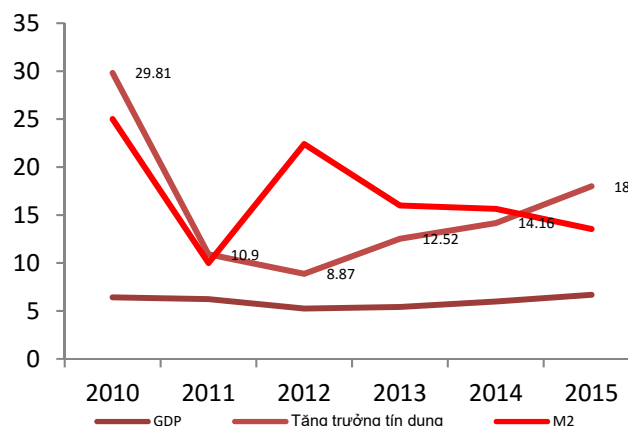
Nguồn: Tổng Cục Thống Kế

PHÁT HÀNH SƠ CẤP TPCP 2011-2015



Nguồn: HNX, VFM

TĂNG TRƯỞNG GDP, TÍN DỤNG VÀ M2 GIAI ĐOẠN 2010-2015 (%)



Nguồn: Ngân Hàng Nhà Nước

Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng và tỷ giá ổn định

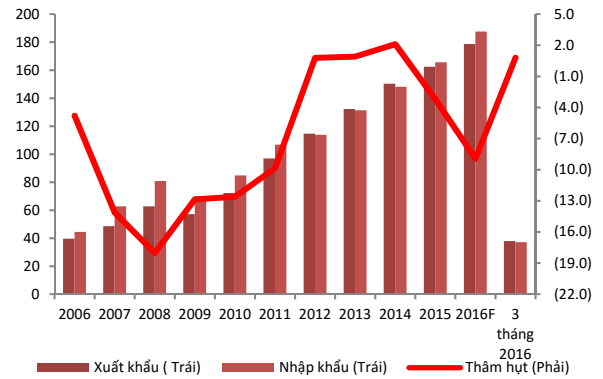
Xuất khẩu nổi lên như một điểm sáng của kinh tế giai đoạn 2012-2014 và tiếp tục trong 2015. Tăng trưởng xuất nhập khẩu năm 2015 đạt mức tốt (7,9% và 12% so với năm trước) với mức thâm hụt thương mại 3,54 tỷ USD tương đương 2,2% kim ngạch xuất khẩu. Nhờ vào việc thu hút và giải ngân vốn FDI vào các ngành chế biến và lắp ráp trong nhiều năm qua, doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục là trụ cột của xuất khẩu, đem lại 2/3 giá trị xuất khẩu và có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn đáng kể khu vực trong nước. Mục tiêu đặt ra cho năm 2016 là tăng trưởng xuất khẩu ở mức 10% và nhập khẩu ở mức 12% so với năm 2015.

Đồng Việt Nam đã liên tiếp được điều chỉnh giá trị so với Đô la Mỹ trong năm 2015 chủ yếu do các biến động tỷ giá đồng Nhân dân tệ với Đô la Mỹ. Tuy nhiên sau khi Ngân hàng nhà nước Việt Nam áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm từ ngày 4/1/2016, biến động của tỷ giá VND-USD đã có sự ổn định rõ rệt và thể hiện sự không phụ thuộc vào biến động của đồng Nhân dân tệ. Trong quý 1 2016, tỷ giá giao dịch trên thị trường chính thức thấp hơn trần tỷ giá do NHNN quy định. Trong năm 2016, tỷ giá VND-USD sẽ tiếp tục được quyết định bởi cung cầu trên thị trường ngoại tệ. Tỷ giá dự kiến sẽ tiếp tục ổn định khi các yếu tố về giải ngân FDI, thặng dư thương mại và dự trữ ngoại hối đã tăng trở lại là các yếu tố hỗ trợ cho sự ổn định. So với thời điểm cuối năm 2015 khi tỷ giá được coi là một rủi ro chính trong năm 2016, rủi ro biến động tỷ giá trong năm 2016 là không cao và sự ổn định tỷ giá sẽ tiếp tục hỗ trợ cho việc thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài bên cạnh hỗ trợ chung cho toàn nền kinh tế.

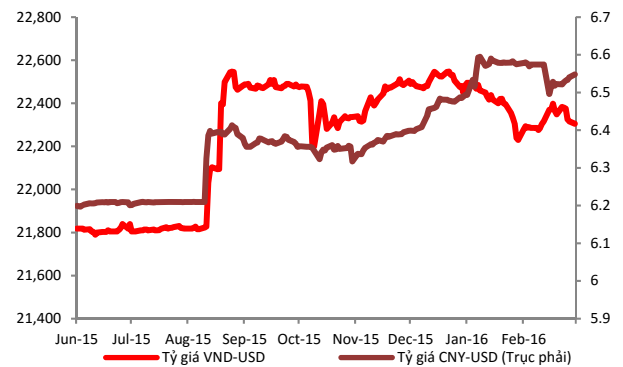
Đầu tư nước ngoài tăng cao

Hiệp ước thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã được các nước tham gia chính thức ký kết vào ngày 4 tháng 2 2016. Hiệp ước sẽ chính thức có hiệu lực từ năm 2018. Trong giai đoạn 2016-2018, việc chuẩn bị các cơ sở sản xuất để tận dụng nguồn lợi từ TPP là động lực chính cho việc thu hút FDI vào Việt nam. Trong quý 1 2016, FDI đã trở thành điểm nổi bật khi số vốn đăng ký mới và đăng ký tăng vốn đạt 4,02 tỷ Đô la Mỹ, tăng 119% so với quý 1 2015. Giá trị vốn FDI giải ngân trong quý đạt 3,5 tỷ Đô la Mỹ, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI đăng ký được tập trung vào ngành chế biến, chế tạo với tổng số 216 dự án đăng ký mới và tăng vốn, chiếm 72,2% tổng vốn đăng ký mới tương đương số tiền đăng ký 2,9 tỷ Đô la. Cơ cấu đầu tư FDI đang cải thiện tích cực theo hướng gia tăng vốn đăng ký vào các doanh nghiệp chế tạo và sản xuất, thay vì vào các dự án bất động sản và giải trí trước đây. Việc nền kinh tế phục hồi, gia nhập TPP, và hấp dẫn của thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục xu hướng thu hút vốn trực tiếp FDI và vốn đầu tư gián tiếp FII trong thời gian tới. Điều này tiếp tục giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định tỷ giá, và phát triển thị trường vốn trong nước.

XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CÂN CÂN THƯƠNG MẠI

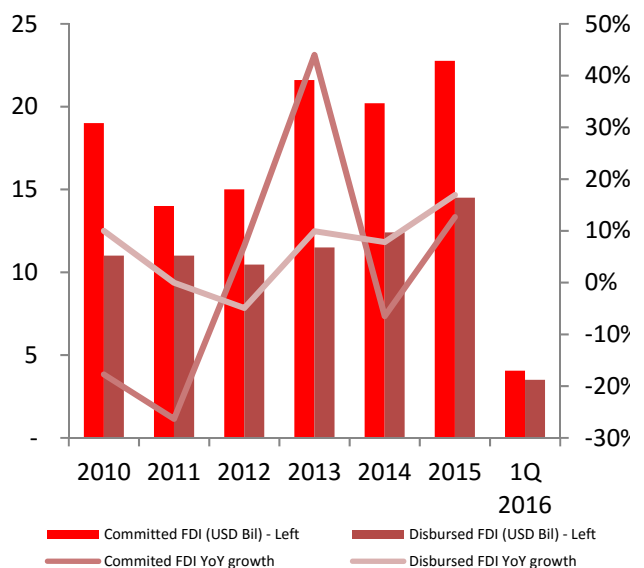


TỶ GIÁ VND-USD VÀ RMB-USD



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

ĐẦU TƯ FDI GIAI ĐOẠN 2010-2016

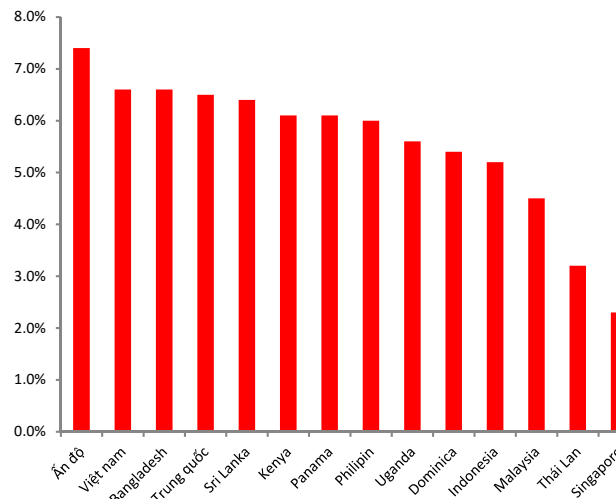


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Việt Nam đứng trước một năm tăng trưởng tốt

Năm 2015 đóng lại với mức độ tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,68%, cao hơn mục tiêu đề ra và đánh dấu sự phục hồi rõ rệt của nền kinh tế Việt Nam. Trong năm 2016, tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo đạt 6,6%, cao thứ hai thế sau Ấn Độ (7,4%). Mức tăng trưởng dự báo này cho thấy Việt Nam có thể trở thành nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trong các nước Đông Nam Á trong năm 2016 khi các nền kinh tế khác trong khu vực đều được dự báo có tăng trưởng GDP thấp hơn (Indonesia: 5,2%; Malaysia: 4,5%; Thái Lan: 3,5%; Singapore: 2,3%). Dự báo này đã đánh giá đúng tiềm năng phát triển của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện tại với sự ổn định kinh tế vĩ mô, tiềm năng từ các hiệp định thương mại tự do và gia tăng tiêu dùng nội địa. Các thay đổi đang diễn ra về cơ sở hạ tầng và chính sách công đang hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao trong các năm tới. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là nước được đánh giá ít bị ảnh hưởng nhất từ việc suy thoái của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới là Trung Quốc.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP 2016



Nguồn: Bloomberg

2. Giới thiệu Chỉ số VN30-TRI

Chỉ số tổng thu nhập VN30 là chỉ số thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Trong đó tư cách tham gia vào chỉ số bao gồm những tiêu chí như sau:

Tiêu chí về niêm yết:

Cổ phiếu không thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, diện tạm ngưng giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc nhóm 05 công ty lớn nhất (top-5) thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng.

Tiêu chí về tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float):

Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi tỷ lệ tự do chuyển nhượng của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể:

- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng nhỏ hơn 5% thì cổ phiếu đó sẽ bị loại ra khỏi chỉ số VN30.
- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng từ 5% đến 10% và không thuộc nhóm 10 cổ phiếu lớn nhất (top 10) về giá trị vốn hóa thì cổ phiếu đó sẽ bị loại khỏi chỉ số VN30.

Tiêu chí về thanh khoản:

Cổ phiếu tham gia vào chỉ số VN30 đảm bảo thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio) như sau:

$$\text{Tỷ suất quay vòng chứng khoán} = \frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ xem xét (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân sau điều chỉnh free float trong kỳ xem xét}}$$

(*) Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận

- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại khỏi.

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí về niêm yết, về tỷ lệ tự do chuyển nhượng và về thanh khoản gọi là danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân trong 6 tháng chưa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng.

Bước 1: Chọn 50 cổ phiếu đầu tiên trong danh sách và loại những cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo khác (nếu có). Cổ phiếu bị loại bỏ sẽ được thay thế bằng cổ phiếu kế tiếp trong danh sách sao cho đủ 50 cổ phiếu.

Bước 2: Sắp xếp 50 cổ phiếu được chọn theo thứ tự giảm dần về giá trị giao dịch hàng ngày bình quân (*bao gồm giá trị giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận*) trong 6 tháng tính đến thời điểm xem xét:

- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên đương nhiên có mặt trong chỉ số;
- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 41 trở xuống đương nhiên bị loại khỏi chỉ số;
- Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VN30 kỳ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có giá trị vốn hóa bình quân cao hơn của kỳ xem xét.
- Chọn 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn nằm trong danh mục chỉ số VN30 được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VN30 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét.

Chỉ số VN30 được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 sẽ được xem xét lại 6 tháng/lần vào thứ 2 tuần thứ tư của tháng Bảy và tháng Giêng hàng năm. Dữ liệu dùng trong kỳ xem xét được lấy sau khi đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng Sáu và tháng Mười Hai.

Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 là 10%. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ.

Tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2016, danh mục 30 cổ phiếu thành phần trong chỉ số VN30 có tổng giá trị vốn hóa trung bình chiếm khoảng trên 63.6% giá trị vốn hóa bình quân và có tổng giá trị giao dịch trung bình chiếm khoảng trên 54% tổng giá trị giao dịch bình quân của thị trường cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về Chỉ số VN30 và VN30-TRI, vui lòng tham khảo tại trang web www.hsx.vn.

3. Cơ hội đầu tư vào Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs)

3.1 Quá trình phát triển của Quỹ ETFs

Trên thị trường tài chính thế giới sau khi hình thành các quỹ đóng và quỹ mở đáp ứng mục tiêu đầu tư của các cá nhân và tổ chức thì ý tưởng của ra đời về một quỹ đầu tư chỉ số đã xuất hiện từ năm 1973 bởi ngân hàng Well Fargo và ngân hàng Quốc gia Mỹ cho các khách hàng tổ chức. Hai năm sau đó, quỹ đầu tư chỉ số đại chúng chính thức ra mắt vào ngày 31 tháng 12 năm 1975 tại thị trường Mỹ với tổng tài sản là 11 triệu đô la Mỹ, quỹ mô phỏng chỉ số S&P 500. Đến năm 1999, tổng tài sản quản lý của quỹ này đã lên đến 100 tỷ Đô La Mỹ. Tuy nhiên, quỹ ETF đầu tiên hình thành và giao dịch trên thị trường tài chính Mỹ vào tháng 01 năm 1993 là S&P 500 Depository Receipt (SPDR) được quản lý bởi State Street Global Advisors. Những năm sau đó, hàng loạt các định chế tài chính lớn đã liên tục cho ra những sản phẩm quỹ ETF. Trong đó, các tên tuổi lớn phải nói đến là Barclays Global Investors bắt đầu xâm nhập vào lĩnh vực này vào năm 1996, State Street Global Advisors vào năm 1998 và Vanguard bắt đầu đưa ra các sản phẩm ETF vào năm 2001. Không lâu sau đó vào năm 1999 thị trường tài chính châu Á cho ra đời quỹ ETF đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hong Kong. Vào năm 2001, quỹ ETF đã xuất hiện tại thị trường tài chính châu Âu. Cho đến cuối năm 2011, đã có đến trên 15 định chế tài chính lớn trên thế giới phát hành các sản phẩm ETF.

Có thể thấy, từ chỉ một quỹ ETF vào năm 1993 thì đến 9 năm sau thị trường tài chính thế giới đã đón nhận khoảng 246 quỹ ETF, trong đó lớn nhất là thị trường châu Âu với 109 quỹ ETF, tiếp theo là thị trường Mỹ với 102 quỹ ETF, thị trường châu Á và Canada tương ứng có 24 và 14 quỹ ETF. Loại hình đầu tư này ngày càng phổ biến nhanh chóng ở các thị trường. Theo thống kê từ BlackRock, năm 2007 có đến 1.541 các sản phẩm

liên quan đến ETF tăng gần gấp đôi so với năm trước đó với tổng giá trị tài sản quản lý 851 tỷ đô la Mỹ. Ba năm sau đó vào năm 2010 số lượng này đã lên đến 3.543 sản phẩm với giá trị tài sản 1.483 tỷ đô la Mỹ, tăng hơn hai lần so với năm 2007. Và tính đến tháng 08 năm 2014 thì số lượng này đã tăng lên 5.266 sản phẩm với giá trị tài sản 2.700 tỷ đô la Mỹ, một sự tăng trưởng bùng nổ về quy mô sản phẩm ETF. Không những về quy mô, sản phẩm về quỹ ETF còn mở rộng và phát triển trên nhiều lĩnh vực khác như quỹ ETF tập trung cho ngành, quỹ ETF về hàng hóa, về trái phiếu, về hợp đồng tương lai và nhiều lớp tài sản khác. Mặc dù có nhiều diễn biến bất lợi tại thị trường tài chính thế giới trong những năm gần đây nhưng thị trường quỹ ETF vẫn ngày một phát triển và phổ biến.

3.2 Lợi ích của việc đầu tư vào quỹ ETFs

Sau đây là một số điểm khác biệt chính thu hút được nhiều nhà đầu tư cá nhân và tổ chức quan tâm và tham gia đầu tư vào quỹ ETF:

- Quỹ ETF là quỹ đầu tư thụ động theo chỉ số với phần lớn thời gian quỹ nắm giữ tài sản tương ứng với danh mục chứng khoán cấu thành chỉ số tham chiếu. Chi phí mà quỹ phải trả thấp hơn nhiều so với các quỹ đầu tư chủ động khác. Thông thường chi phí hoạt động của quỹ từ 0,75% đến 1,5% một năm so với 2% đến 3% một năm đối với các quỹ đầu tư chủ động. Vì thế, đầu tư vào quỹ ETF là một phương thức đầu tư giá thấp và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư.
- Do quỹ ETF được giao dịch như cổ phiếu thông thường và kết quả hoạt động của quỹ gần giống như chỉ số tham chiếu nên quỹ ETF là một công cụ giúp nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể đầu tư nhanh chóng vào thị trường chứng khoán hoặc vào nhóm ngành nghề nhất định trong thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư thay vì phải mất thời gian lựa chọn và mua bán nhóm cổ phiếu theo tiêu chí ưa thích thì nhà đầu tư đó có thể chọn đầu tư vào một quỹ ETF mô phỏng chỉ số tương đồng với nhóm cổ phiếu đó.
- Đầu tư vào quỹ ETF mang lại sự linh động cho các nhà đầu tư. Chứng chỉ quỹ ETF vừa giao dịch trên thị trường như một chứng chỉ quỹ đóng thông thường vừa giao dịch trực tiếp với công ty quản lý quỹ thông qua phương thức giao dịch hoán đổi từ thành viên lập quỹ. Vì thế đầu tư vào quỹ ETF thừa hưởng những ưu điểm của dạng hình quỹ đóng và quỹ mở. Nhà đầu tư dễ dàng mua bán trên thị trường với số lượng nhỏ như một cổ phiếu thông thường với giá tiệm cận với giá trị tài sản ròng của quỹ mà vừa có thể giao dịch lô lớn với công ty quản lý quỹ nếu xét thấy thị trường giao dịch không đảm bảo thanh khoản.
- Quỹ ETF là một dạng hình quỹ chỉ số đại diện thị trường, tức là mục tiêu mô phỏng theo một chỉ số nhất định chứ không phải mục tiêu đạt lợi nhuận cao hơn chỉ số đó. Tức là, kết quả hoạt động của quỹ ETF bám sát kết quả của chỉ số tham chiếu. Và đa số các chỉ số mà quỹ ETF mô phỏng đều được thiết kế mang tính đại diện cao cho một thị trường hoặc một nhóm ngành nhất định. Do đó, đầu tư vào quỹ ETF giúp giảm thiểu rủi ro phi hệ thống và chi phí mà quỹ ETF phải bỏ ra là thấp hơn so với các quỹ chủ động khác.
- Quỹ ETF là một trong những loại hình đầu tư có tính minh bạch cao. Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ đóng hoặc quỹ mở không thể biết được hết danh mục đầu tư của quỹ. Nhưng với quỹ ETF nhà đầu tư được biết rõ danh mục đầu tư của quỹ trước khi nhà đầu tư quyết định đầu tư vào quỹ và hàng ngày nhà đầu tư có thể theo dõi danh mục của quỹ để chủ động đưa ra những quyết định mua bán của mình khi xét thấy thị trường thay đổi. Đầu tư vào quỹ đóng hay quỹ mở thông thường thì nhà đầu tư chỉ có thể biết được giá trị của khoản đầu tư của mình theo định kỳ công bố giá trị tài sản ròng từ phía công ty quản lý quỹ, có thể là hàng tuần hoặc hàng ngày sau khi kết thúc giao dịch của thị trường. Tuy nhiên, đầu tư vào quỹ ETF nhà đầu tư biết được kết quả khoản đầu tư của mình từng phút từng giờ nhờ cơ chế định giá tài sản ròng tham chiếu.

Tóm lại, quỹ ETF là một dạng sản phẩm đơn giản, dễ hiểu, mang tính đại diện thị trường, hạn chế rủi ro lựa chọn cổ phiếu, tính minh bạch cao, dễ dàng giao dịch, chi phí thấp và mang đến nhiều cơ hội đối với nhà đầu tư. Đầu tư vào quỹ ETF là dạng quỹ thụ động nhưng lại đáp ứng nhu cầu đầu tư chủ động của nhà đầu tư, tức là nhà đầu tư có thể chủ động mua vào hoặc bán ra chứng chỉ quỹ ETF mà không gặp bất cứ trở ngại nào trong quá trình phân tích thông tin thị trường.

IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF VFMVN30

1. Thông tin chung về Quỹ ETF VFMVN30

- Tên Quỹ: Quỹ ETF VFMVN30
 - Tên tiếng Anh: VFMVN30 ETF
 - Hình thức của Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục
 - Đối tượng góp vốn vào Quỹ:
 - Nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam và đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của TT229/2012/TT-BTC.
 - Các thành viên lập quỹ chỉ định.
 - Thời hạn hoạt động của Quỹ: Không giới hạn.
 - Vốn điều lệ huy động lần đầu: 202.000.000.000 (hai trăm lẻ hai tỷ) đồng
 - Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF: 10.000 (mười ngàn) Việt Nam Đồng.
 - Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng
 - Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký mua tối thiểu: 1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF.
 - Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30-TRI sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
 - Hình thức sở hữu: Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.
 - Thời gian gia hạn phát hành: Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ Quỹ.
- Địa điểm phát hành:
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)**
- Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)**
- Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam
- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:
- | | |
|---------------------------|--|
| Tổ chức phát hành | : Quỹ ETF VFMVN30 |
| Đại diện phát hành | : Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | : Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) |
| Công ty kiểm toán dự kiến | : Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PWC) |
| Thành viên lập quỹ | : Danh sách các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này. |

1.1 Giấy phép thành lập và quy mô Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 04/7/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ ETF VFMVN30 số 14/GCN-UBCK ngày 18/9/2014.

Vào ngày 29/9/2014, Quỹ ETF VFMVN30 đã được Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM cấp Quyết định niêm yết chứng chỉ quỹ số 375/QĐ-SGDHCM ngày 29/9/2014

Trong giai đoạn phát hành chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng, vốn điều lệ đã huy động là 202.000.000.000 (hai trăm lẻ hai tỷ) đồng Việt Nam và tương ứng với 202 (hai trăm lẻ hai) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười ngàn) Đồng.

1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF VFMVN30 có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các yêu cầu tại điểm a, mục 2, Chương V của Bản cáo bạch này.

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. Tình hình hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

Bảng dưới đây thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 trong quá khứ. Các chỉ số thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm các chỉ số về NAV, lợi nhuận, chi phí, vòng quay vốn đầu tư... Lợi nhuận của Quỹ ETF VFMVN30 đã bao gồm cổ tức được nhận và đã trừ đi chi phí hoạt động (phí quản lý, phí lưu ký giám sát, ...) tuy nhiên chưa bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động quỹ hoán đổi danh mục (phí phát hành, phí mua lại). Kết quả hoạt động trong quá khứ không bảo đảm kết quả lợi nhuận trong tương lai.

	31/12/2015
NAV (tỷ đồng)	358,8
Số lượng ccq (triệu ccq)	37,7
NAV/ccq (đồng)	9.516,8
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)	10.331,2
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)	8.531,4
Chi phí hoạt động/ tài sản ròng bình quân (%)	1,01
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) (%)	1,39
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (14/8/2014) (%)	(4,8)
ETF VFMVN30	
VN30-Index	(8,4)
Tăng trưởng kể từ đầu năm (%)	2,2
ETF VFMVN30	
VN30-Index	(1,0)

3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ tổng thu nhập VN30-TRI sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch được nêu tại mục 2, Phần III của Bản cáo bạch này. Khi Sở giao dịch Tp. Hồ Chí Minh thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI.

3.3 Tài sản đầu tư của Quỹ

Tài sản đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm:

- Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam;
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

3.4 Lĩnh vực đầu tư

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số VN30-TRI và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 phải phù hợp với các quy định tại điều lệ Quỹ và phải bảo đảm:

- Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

- e. Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- f. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 quy định tại điểm a, b, c mục 3.5, Chương IV của Bản cáo bạch này về hạn chế đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
- c. Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30 thay đổi;
- d. Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12 Thông tư 229/2012/TT-BTC về Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- e. Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

3.6 Hạn chế vay

Quỹ ETF VFMVN30 không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số VN30-TRI, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số VN30-TRI theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số VN30-TRI để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số VN30-TRI, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số VN30-TRI hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số VN30-TRI khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số VN30-TRI tại kỳ xem xét tiếp theo.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ:

Kết quả đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết hoặc bảo đảm sẽ đạt được mục tiêu đề ra bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ hay bất kỳ tổ chức nào.

Đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 là đầu tư vào thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

4.1 Rủi ro đầu tư tại Việt Nam

VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập VN30 bao gồm 30 chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 nhà đầu tư có thể gặp những yếu tố về rủi ro liên quan đến nền kinh tế Việt Nam. Do thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, vì thế thị trường chứng khoán ở Việt Nam ít tương quan so với các thị trường chứng khoán ở các nước phát triển cũng như thị trường chứng khoán thế giới. Khi nền kinh tế Việt Nam biến động bất lợi thì khoản đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 sẽ bị thiệt hại mặc dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư gặp phải khi đầu tư vào một đất nước nhất định.

4.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi giá trị các tài sản của Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian do tác động bởi nền kinh tế hoặc những yếu tố không lường trước được. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

4.3 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 trong tương lai.

4.4 Rủi ro đầu tư cổ phiếu

Giá trị của những cổ phiếu được nắm giữ bởi Quỹ ETF VFMVN30 có thể sụt giảm do thị trường nói chung, tình hình kinh tế, nhận thức về thị trường của các nhà đầu tư, hoặc các yếu tố liên quan đến các tổ chức phát hành cụ thể mà Quỹ thực hiện đầu tư. Các cổ phiếu giao dịch trên thị trường có thể đạt mức lợi nhuận lớn hơn so với các chứng khoán nợ với thu nhập nhận cố định như trái phiếu, do đó đầu tư vào cổ phiếu cũng sẽ phải chịu rủi ro lớn hơn so với đầu tư vào các chứng khoán nợ.

4.5 Rủi ro mô phỏng chỉ số (Index Tracking Risk)

Lợi nhuận của Quỹ ETF VFMVN30 có thể sẽ sai lệch so với chỉ số VN30 với nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, trong quá trình hoạt động Quỹ phải chi trả các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán để cân chỉnh danh mục. Ngoài ra, Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu do nguyên nhân cần tuân thủ theo pháp luật hoặc thanh khoản một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu không đảm bảo. Đây là những nguyên nhân chính làm phát sinh mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu.

4.6 Rủi ro quản lý danh mục mô phỏng

Không giống như các quỹ đầu tư khác, Quỹ ETF VFMVN30 không phải là quỹ đầu tư quản lý “chủ động” (actively). Có nghĩa là, trừ khi một cổ phiếu cụ thể bị đưa ra khỏi chỉ số tham chiếu, Quỹ nói chung trong điều kiện bình thường sẽ không bán bất kỳ một chứng khoán trong danh mục của Quỹ do cổ phiếu đó gặp bất lợi về tài chính hay một sự kiện doanh nghiệp nào đó. Nhưng nếu một cổ phiếu nào đó bị đưa ra khỏi chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ thực hiện bán chứng khoán đó bất kể chứng khoán đó đang có xu hướng tăng hay giảm giá trên thị trường. Vì vậy, kết quả hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thấp hơn so với các quỹ chủ động thay

đổi danh mục đầu tư tài sản để tận dụng cơ hội thị trường hoặc để giảm bớt tác động của sự suy giảm của thị trường.

4.7 Rủi ro chênh lệch giá (Premium/Discount Risk)

Giao dịch mua bán chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) có thể phát sinh chênh lệch giữa giá giao dịch trên Sở giao dịch và giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ. Nguyên nhân có thể là do sự biến động thị trường có thể dẫn đến giá trị cổ phiếu trong danh mục đầu tư của quỹ thay đổi hoặc do giá giao dịch chứng chỉ quỹ biến động từ sự biến động của giá trị tài sản ròng của quỹ hoặc từ cung cầu trên thị trường. Do đó, nếu nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường cao hơn NAV hoặc bán chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường thấp hơn NAV thì nhà đầu tư có thể bị thiệt hại.

4.8 Rủi ro đầu tư tập trung

Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 có thể tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành cụ thể tương ứng với sự tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành của chỉ số tham chiếu. Công ty trong lĩnh vực này có thể chịu rủi ro về kinh tế, chính trị hay các điều kiện khác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu, từ đó, có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

4.9 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Nhà đầu tư thực hiện mua bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên sàn giao dịch phụ thuộc vào thanh khoản của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Điều này phát sinh rủi ro đối với nhà đầu tư muốn mua hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 ngay trên sàn giao dịch nhưng không thể thực hiện khi thanh khoản chứng chỉ quỹ thấp. Nhưng đối với nhà đầu tư đáp ứng điều kiện giao dịch hoán đổi thì có thể thực hiện giao dịch với công ty quản lý quỹ thông qua thành viên lập quỹ.

4.10 Rủi ro chờ thanh toán T+:

Quỹ ETF VFMVN30 phải phù hợp về cơ cấu và tỷ trọng tài sản với chỉ số tham chiếu. Mọi sự thay đổi định kỳ hay bất thường của chỉ số tham chiếu đều dẫn đến sự thay đổi cơ cấu và tỷ trọng của Quỹ. Chỉ số tham chiếu sẽ loại bỏ cổ phiếu ra và thêm cổ phiếu vào ngay tức thì tại ngày thay đổi. Tuy nhiên đối với quy định thanh toán T+ và hạn chế vay, Quỹ không thể thực hiện bán chứng khoán ra khỏi chỉ số để mua những chứng khoán thêm vào chỉ số ngay tại ngày hiệu lực của sự thay đổi đó. Trong suốt thời gian T+ đó, chứng khoán thêm vào chỉ số có thể biến động tăng hoặc giảm, gây nên sự sai lệch giữa kết quả hoạt động của Quỹ và chỉ số tham chiếu.

4.11 Rủi ro hủy niêm yết

Trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) liên tục trong 03 tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 sẽ không thể thực hiện việc mua bán. Trong thời gian đó nhà đầu tư có thể bị thiệt hại khi nắm giữ chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.

4.12 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ phát sinh từ các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện thanh toán sớm những loại chứng khoán nợ phát sinh từ các tài sản của Quỹ.

4.13 Rủi ro trong giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (Redemption Risk)

Việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tiến hành giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó... Khi đó công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán này. Như vậy, rủi ro có thể phát sinh khi thanh khoản của thị trường thấp hoặc thị giá của chứng khoán đó giảm, dẫn đến số tiền nhận được của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tài sản tại ngày giao dịch hoán đổi.

V. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF VFMVN30 (giao dịch sơ cấp)

❖ Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ:

Nhà đầu tư cần tiến hành các thủ tục và hồ sơ liên quan đến thủ tục mở tài khoản tại các Đại lý Phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở:

a. Đơn đăng ký mở tài khoản:

Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (Phiếu Đăng Ký). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty VFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, lệnh mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối.

b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở:

Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở (Lệnh Mua) sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch.

Các Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin này cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền từ chối thực hiện các hồ sơ này của nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.

c. Tuân Thủ:

Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua được soạn thảo để công ty quản lý quỹ VFM có thể tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Do đó các thông tin nhà đầu tư cung cấp liên quan đến Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo qui định của pháp luật Việt Nam, tất cả các Nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các qui định về thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác được ban

hành bởi chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ sở tại của nhà đầu tư tại các thời điểm khác nhau. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam và cần xin cấp mã giao dịch chứng khoán. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d. Chấp nhận Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua:

Công ty quản lý quỹ VFM có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML.

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và sau khi công ty quản lý quỹ đã thông báo cho tổ chức đại lý chuyển nhượng.

Nhà đầu tư liên lạc với các Đại lý phân phối hoặc Công ty quản lý quỹ VFM để được hướng dẫn cụ thể.

1. Chào bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng (IPO)

1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

a. Chứng khoán cơ cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu là:

- Các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ ETF ra công chúng của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại các thành viên của VSD.

b. Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập quỹ có thể lấy từ các nguồn sau:

- Đối với thành viên lập quỹ:
 - Các chứng khoán cơ cấu đang sẵn có trên tài khoản giao dịch của thành viên lập quỹ;
 - Các chứng khoán cơ cấu đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
- Đối với nhà đầu tư:
 - Các chứng khoán cơ cấu đang sẵn có trên các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

c. Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký mua tối thiểu:

- Trong đợt chào bán lần đầu, nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
- Trong đợt chào bán lần đầu, thành viên lập quỹ đăng ký mua lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 theo thỏa thuận giữa thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ VFM.

1.2 Đăng ký và góp vốn mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trong đợt chào bán lần đầu (IPO)

1.2.1 Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn

- Là khoảng thời gian theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ VFM mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ ETFVFMVN30, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.
- Thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là 14 giờ 30 phút của ngày làm việc kết thúc thời gian thực hiện đăng ký góp vốn.

Trong trường hợp việc đăng ký đặt mua chứng chỉ quỹ vi phạm quy định của pháp luật hiện hành hoặc vi phạm quy định về việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ VFM có quyền từ chối hoặc chấp thuận (một phần hoặc toàn bộ) số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua. Việc hoàn trả chứng khoán hoặc tiền trong trường hợp này (nếu có) sẽ được thực hiện trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập quỹ UBCKNN cấp có hiệu lực trong trường hợp đợt phát hành thành công, hoặc 5 (năm) ngày làm việc sau khi Công ty quản lý quỹ VFM báo cáo UBCKNN về việc phát hành không thành công. Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

1.2.2 Điều chỉnh hoặc hủy giao dịch đăng ký góp vốn

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chỉ được điều chỉnh hoặc hủy các giao dịch đăng ký góp vốn mà mình đã đặt trước thời điểm kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn được đề cập ở mục 1.2.1, Phần V của Bản cáo bạch này.
- Việc điều chỉnh hoặc hủy các giao dịch đăng ký góp vốn của nhà đầu tư được thực hiện tại các thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký góp vốn. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ vào Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh cho thành viên lập quỹ (theo mẫu).

1.2.3 Giai đoạn thực hiện góp vốn

a. Thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn:

- Tại thời điểm công bố Thông báo phát hành chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 ra công chúng, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ công bố cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ về danh mục chứng khoán cơ cấu dự kiến cho 01 (một) lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Danh mục chứng khoán cơ cấu dự kiến này sẽ được cập nhật vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần trong thời gian đăng ký góp vốn.
- Trước 9 giờ của ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cuối cùng của giai đoạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ công bố cho nhà đầu tư và thông báo cho VSD, thành viên lập quỹ về danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.

b. Thời gian thực hiện góp vốn:

- Thời gian thực hiện góp vốn là khoảng thời gian nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF VFMVN30 tại Ngân hàng giám sát theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Hồ sơ thực hiện góp vốn được coi là hoàn tất khi:
 - Nhà đầu tư đã hoàn tất hồ sơ đăng ký góp vốn thành lập quỹ, bao gồm Phiếu đăng ký góp vốn vào Quỹ ETF VFMVN30, Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn, bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn và văn bản xác nhận số dư của thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu để góp vốn (theo mẫu).
 - Nhà đầu tư gửi hồ sơ đăng ký góp vốn thành lập quỹ đến các thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối trước thời hạn kết thúc góp vốn theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Những trường hợp góp vốn bằng tiền do:

- i. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF,
- ii. Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan.
- iii. Trường hợp chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu (DMCKCC) góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp.

Trường hợp thanh toán bằng tiền quy định tại mục (i) và mục (ii) nêu trên, nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sẽ phải bảo đảm tiền được chuyển đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát vào ngày góp vốn cuối cùng của đợt chào bán.

Trường hợp thanh toán bổ sung thêm bằng tiền do giá của các chứng khoán quy định tại mục (ii) nêu trên lớn hơn giá tại ngày cuối cùng trong giai đoạn đăng ký góp vốn và chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu (DMCKCC) góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp, nhà đầu tư và thành viên lập quỹ sẽ phải đảm bảo số tiền nộp bổ sung sẽ được chuyển đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo quy định chi tiết tại mục 1.5 Chương V.

1.2.4 Phong tỏa chứng khoán cơ cấu góp vốn

- Chứng khoán cơ cấu của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ dùng để góp vốn lập Quỹ ETF VFMVN30 sẽ bị phong tỏa theo đúng danh mục chứng khoán, tỷ lệ, số lượng chứng khoán cơ cấu mà Công ty quản lý quỹ VFM đã thông báo và phù hợp với số lô chứng chỉ quỹ ETF mà các nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã đăng ký góp vốn hợp lệ.
- Thời gian phong tỏa chứng khoán cơ cấu là từ thời điểm VSD xác nhận phong tỏa cho đến khi các chứng khoán này được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi được giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Giải tỏa chứng khoán cơ cấu: Chứng khoán cơ cấu chỉ được giải tỏa trong trường hợp đợt phát hành không thành công hoặc trong trường hợp đặc biệt của nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ VFM xem xét chấp thuận.
- Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSD.

1.2.5 Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

- Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện góp vốn, VSD sẽ thực hiện kiểm tra số lượng chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) có phù hợp với số lượng lô ETF mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đăng ký đặt mua.
- Trong trường hợp đầy đủ số lượng chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (kể cả trường hợp được nêu tại điểm b.ii, mục 1.2.3, Chương V của Bản cáo bạch này) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSD và ngân hàng giám sát phong tỏa chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn, và thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM để hoàn tất các thủ tục thành lập quỹ.
- Trong trường hợp số lượng chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (kể cả trường hợp được nêu tại điểm b.ii, mục 1.2.3, Chương V của Bản cáo bạch này) không đủ so với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:
 - ❖ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chỉ mua được số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng chứng khoán cơ cấu góp vốn và tiền góp vốn thực tế.
 - ❖ Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đặt mua sẽ được Đại lý chuyển nhượng điều chỉnh xuống sao cho tròn lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng chứng khoán cơ cấu góp vốn và tiền có trên thực tế. VSD sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM để hoàn tất các thủ tục thành lập quỹ.

- Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với 1 (một) lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.

1.3 Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

- Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ VFM không phát hành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ VFM hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF này với VSD.
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành lần đầu, bao gồm cả thời gian gia hạn, mà Quỹ chào bán không thành công hoặc các trường hợp khác theo thông báo của công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đình chỉ, hủy đợt phát hành và công bố công khai theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải tuân thủ quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Chứng khoán.

1.4 Xác nhận quyền sở hữu, đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, VFM sẽ thực hiện việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 phát hành lần đầu với VSD. Số lô chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quyền sở hữu của thành viên lập quỹ và nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ ETF nêu trên được xác lập từ thời điểm VSD lưu ký, phân bổ chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực lưu ký đối với chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại VSD.
- Chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFM VN30 tại Ngân hàng giám sát. Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang cho Quỹ đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại VSD.
- Trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ ETF góp vốn sang tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi do VSD ban hành.

1.5 Phương thức nộp bổ sung tiền phát sinh trong giai đoạn thành lập quỹ

- Đối với phần góp vốn bằng tiền được đề cập tại điểm b.ii của mục 1.2.3:
 - ❖ Khi giá của các chứng khoán cơ cấu được góp vốn bằng tiền (nếu có) tại ngày làm việc liền trước ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản thành viên lập quỹ/nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 (ngày S) lớn hơn giá tại ngày cuối cùng trong giai đoạn đăng ký góp vốn thì trong vòng 03 (ba) ngày làm việc thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trong danh sách áp dụng phải nộp bổ sung tiền chênh lệch vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại ngân hàng giám sát. Giá trị nộp bổ sung của từng mã cổ phiếu trên một lô chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ VFM thông báo tại ngày S.
 - ❖ Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này. Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh

sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày hoàn tất mua thì số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh một cách tương ứng.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) nhỏ hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này), thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ ETF trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày hoàn tất mua thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng này trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF hoàn tất mua. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- ❖ Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ ETF đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ ETF chưa mua đủ được trong 7 (bảy) ngày làm việc (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) sẽ được Quỹ ETF quyết toán với thành viên lập quỹ dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ ETF tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ ETF thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu Quỹ ETF đã mua được) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền nhỏ hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng không trễ hơn 2 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn mua 7 (bảy) ngày làm việc. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- Trường hợp chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu (DMCKCC) góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp:

Trường hợp cổ phiếu trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức có sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) phát sinh trong thời gian kể từ ngày bắt đầu giai đoạn thực hiện góp vốn đến ngày làm việc liền trước ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản thành viên lập quỹ/nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 (ngày S) thì thành viên lập quỹ/nhà đầu tư phải thực hiện thanh toán bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 với giá trị được tính như sau:

- ❖ Đối với sự kiện cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu:

Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được hưởng từ sự kiện phát sinh của cổ phiếu trong DMCKCC nhân với giá đóng cửa của cổ phiếu đó tại ngày S.

- ❖ Đối với sự kiện cổ tức bằng tiền:

Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số tiền được hưởng từ sự kiện phát sinh của cổ phiếu trong DMCKCC.

- ❖ Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu (khi giá đóng cửa tại ngày S lớn hơn giá mua):

Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu trong DMCKCC nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày S và giá mua.

- ❖ Đối với sự kiện chốt quyền mua khác:

Giá trị nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được Công ty Quản lý quỹ VFM thông báo sau (nếu có).

Giá trị nộp bổ sung của từng mã cổ phiếu trong DMCKCC trên một lô chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ VFM thông báo tại ngày S. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, thành viên lập quỹ/nhà đầu tư sẽ nộp bổ sung số tiền này vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại ngân hàng giám sát.

1.6 Niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ VFM sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

1.7 Quy định về giao dịch của người có liên quan của Công ty VFM trong đợt phát hành

Căn cứ theo khoản 14 Điều 2 Thông tư 229/2012/TT-BTC và khoản 9 Điều 10 của Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở, công ty quản lý quỹ và người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

2. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp)

2.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

a. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi:

- Là các thành viên lập quỹ được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật từ Công ty quản lý quỹ VFM.
- Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân đáp ứng các điều kiện sau:
 - Nhà đầu tư có sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30;
 - Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.

b. Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi:

- Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - o Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi.
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thành viên lập quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
 - o Đối với nhà đầu tư:
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

c. Thời gian giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

- Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ ETF VFMVN30 là hàng ngày.

Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ sẽ được quy định như sau:

- Thời gian giao dịch: từ 9 giờ 30 phút đến 14 giờ 59 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc.
- Thời gian giao dịch: từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 59 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi và các thời điểm liên quan khác.

- Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, VSD, ngân hàng giám sát về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF và chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF trước 9 giờ 00 phút ngày giao dịch hoán đổi (gọi là ngày T), ngoại trừ trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ thì thông tin trên sẽ được thông báo trước 13 giờ 00 phút trong ngày giao dịch hoán đổi. Danh mục chứng khoán cơ cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và bao gồm các thông tin về mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục.
- Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

d. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 14 giờ 59 phút tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi và gửi đến Đại lý chuyển nhượng.

e. Phương thức giao dịch:

- Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thông qua thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định được kèm theo trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) từ Công ty quản lý quỹ VFM.
- Lệnh giao dịch hoán đổi (*theo mẫu*) của đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến Đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng

của thành viên lập quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến thành viên lập quỹ trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.

- Những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:
 - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF,
 - Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thông báo các chứng khoán hoán đổi bằng tiền cho công ty quản lý quỹ trước 12 giờ ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi và tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và công ty quản lý quỹ.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi của Quỹ ETF VFMVN30 do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi được coi là hoàn tất khi:
 - Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào hồ sơ bao gồm Phiếu đặt lệnh giao dịch quỹ ETF VFMVN30, Bảng kê chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF sử dụng để giao dịch hoán đổi, chứng từ xác nhận việc chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Quỹ (trong trường hợp nhà đầu tư phải thanh toán tiền cho khoản chênh lệch giữa giá trị lô ETF và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc dùng tiền thay thế cho các chứng khoán bị hạn chế đầu tư, cổ phiếu quỹ, hoặc những khoản phải thanh toán bằng tiền khác theo quy định ở trên), và văn bản xác nhận số dư của thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF để thực hiện giao dịch (*theo mẫu*).
 - Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh đến các thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối trong thời gian thực hiện giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi VSD bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu ngoại trừ các trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền nêu trên hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất cho việc thanh toán vào ngày thanh toán.
- Các lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển đến sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư, thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các lệnh giao dịch của mình thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch thừa (nếu có) cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong ngày T+2, hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.
- Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, và ngược lại Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong ngày T+2, hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.

f. Điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch:

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chỉ được điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Việc điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được thực hiện tại các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đặt lệnh. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch,
- Việc thực hiện điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi sau thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của thành viên lập quỹ nhập sai số lượng ETF mua, bán của

nhà đầu tư trong quá trình nhập lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng.

g. Thời hạn xác nhận giao dịch:

- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.

h. Thời hạn tiếp nhận và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:

- Trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, tài khoản của Quỹ ETF tại NHGS nhận các khoản thanh toán bằng tiền do phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF và các mã chứng khoán được góp bằng tiền do nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành.
- Vào ngày T+2, hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, Quỹ ETF hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF.

2.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi

- Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty quản lý quỹ VFM và theo các quy định về công bố thông tin.

2.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và yêu cầu phong tỏa chứng khoán cơ cấu hoán đổi trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, với phần chênh lệch phát sinh này và phần thanh toán bằng tiền bao gồm khoản thanh toán cho các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện hoán đổi trong trường hợp được đề cập tại điểm e, mục 2.1, Chương V, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 12 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi mà Quỹ ETF VFMVN30 không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF VFMVN30 trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ ETF VFMVN30 với giá trị được tính tương tự tại mục 1.5, Chương V và được công ty quản lý quỹ thông báo nếu có. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ thông báo thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại ngân hàng giám sát.
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thực hiện thanh toán các khoản bằng tiền với nội dung chuyển khoản ngân hàng như sau:

- Tên tài khoản : **QUY ETF VFMVN30**

- Số tài khoản : theo số tài khoản của cửa từng Đại lý phân phối được nêu ở Phụ lục 1

- Tên ngân hàng : Standard Chartered Bank (VN) Limited

- Số tiền : Số tiền phải nộp

- Nội dung : [số tài khoản giao dịch chứng khoán]-[tên nhà đầu tư]-[đăng ký mua CCQ ETF VFMVN30]

- Đối với phần thanh toán bằng tiền của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được đề cập tại điểm e, mục 2.1, Chương V:

- Trước 12 giờ ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM về những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền được đề cập ở trên (nếu có). Trường hợp thành viên lập quỹ không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM phát sinh thêm những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ căn cứ trên phiên hoán đổi trước đó. Sau đó Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo tới thành viên lập quỹ/nhà đầu tư danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp tương ứng của từng mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với 1 lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền. Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó tại ngày giao dịch trên thị trường thứ cấp gần nhất trước ngày giao dịch hoán đổi. Tổng số tiền tạm nộp tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với 1 lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu
- Trên cơ sở số tiền tạm nộp của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, Quỹ ETF sẽ thực hiện mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phân bổ.

- ❖ Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này. Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua thì số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh một cách tương ứng theo điểm 1.5 nêu trên.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng này cùng với việc Quỹ ETF thực hiện quyết toán với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF. Phương thức, thời gian, điều kiện thanh toán bổ sung bằng tiền nêu trên được quy định chi tiết trong Bảng Thông báo quyết toán tổng hợp tại từng thời điểm. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ thông báo thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại ngân hàng giám sát.

Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa:

- ✓ Số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp bằng tiền và
- ✓ Số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh.

Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

Nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh nhỏ hơn tổng giá trị tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu (được xác định theo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi đã được Công ty Quản lý quỹ công bố vào ngày giao dịch hoán đổi) mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã nộp bằng tiền thì phần chênh lệch này sẽ được hạch toán vào chi phí của Quỹ ETF. Ngược lại, nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh lớn hơn tổng giá trị tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu (được xác định theo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi đã được Công ty Quản lý quỹ công bố vào ngày giao dịch hoán đổi) mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã nộp bằng tiền thì phần chênh lệch này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- ❖ Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ ETF đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ ETF chưa mua đủ được trong 7 (bảy) ngày làm việc (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)) sẽ được Quỹ ETF quyết toán với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ ETF tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó. Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày cuối cùng Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền (ngày T+8) thì số lượng các mã chứng khoán cơ cấu còn lại mà Quỹ ETF cần mua cho đủ sau đó sẽ được điều chỉnh một cách tương ứng.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa:

- ✓ Số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp và,
- ✓ Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ ETF thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu Quỹ ETF đã mua được) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh.

Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)) thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng cùng với việc Quỹ ETF thực hiện quyết toán với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh nhỏ hơn tổng giá trị tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu (được xác định theo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi đã được Công ty Quản lý quỹ công bố vào ngày giao dịch hoán đổi) mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã nộp bằng tiền thì phần chênh lệch này sẽ được hạch toán vào chi phí của Quỹ ETF. Ngược lại, nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại cộng với số cổ tức bằng tiền phát sinh lớn hơn tổng giá trị tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu (được xác định theo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi đã được Công ty Quản lý quỹ công bố vào ngày giao dịch hoán đổi) mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã nộp bằng tiền thì phần chênh lệch này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- Trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+2).
- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) tại thời điểm kiểm tra sẽ xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quỹ ETF sẽ hoàn trả số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp (nếu có) vào ngày làm việc tiếp theo sau khi có kết quả giao dịch hoán đổi do VSD cung cấp.
- Các lệnh hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF có đầy đủ chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện, và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được phân bổ chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm vào tài khoản lưu ký của mình.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSD.
- Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành thêm tại VSD đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang quỹ ETF.

2.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu và yêu cầu phong tỏa chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ quỹ ETF VFMVN30 trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư với giá trị được tính tương tự tại mục 2.6, Chương V và được công ty quản lý quỹ thông báo nếu có. Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ thông báo, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thanh toán vào tài khoản của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ VFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền vào ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+2).
- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ VFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thấp hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm thanh toán phần chênh lệch này vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 12 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).
- Trường hợp thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30, số lượng chứng chỉ quỹ ETF duy trì trên tài khoản của thành viên lập quỹ sau khi bán thực hiện theo quy định tại hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ VFM.
- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 để hoán đổi và phần tiền nộp thêm (nếu có) do chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu với giá trị của lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- Các lệnh hoán đổi hợp lệ sẽ được thực hiện và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được nhận lại danh mục chứng khoán cơ cấu vào tài khoản lưu ký của mình.
- Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 không đủ số lượng chứng khoán của 1 mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì việc hoàn trả mã chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:
 - ❖ Trường hợp tổng số lượng của mã chứng khoán cơ cấu này mà quỹ hiện có (bao gồm số lượng chứng khoán đã về tài khoản và số lượng chứng khoán chưa về tài khoản do phát sinh cổ tức bằng cổ phiếu, quyền mua, cổ phiếu thưởng) lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng chứng khoán đã có trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng chứng khoán đã có trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc FIFO, số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sau khi có số lượng chứng khoán đó về tài khoản của Quỹ.
 - ❖ Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quỹ hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền với giá trị trên mỗi chứng khoán đó bằng với giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày hoán đổi.
- Các giao dịch đăng ký mua lô ETF mà không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với 1 (một) lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 sang tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSD.
- Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ Quỹ ETF VFMVN30 sang thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mua lại tại VSD.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

2.5 Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cho nhà đầu tư

Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối để thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện việc mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho nhà đầu tư.

Cách thức thực hiện dựa trên quy định của thành viên lập quỹ, đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định

Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm 16 giờ ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1)), hoặc dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

- 1) Trường hợp là [pháp nhân, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.
- 2) Trường hợp hoán chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.

Ngay khi phát sinh các trường hợp quy định tại mục 1) và 2) ở trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý Quỹ VFM chưa bán được cho nhà đầu tư.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục 1), 2) nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan và sẽ được quỹ thực hiện sau hai ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền do việc bán thành công những chứng khoán này.

Trong quá trình Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ sử dụng tiền từ việc bán số chứng khoán đó để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.

Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ tức hoặc quyền này.

Trên cơ sở thông báo của VSD, công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO), tiếp theo là tỷ lệ trên cơ sở khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của công ty quản lý quỹ VFM.

Trường hợp Quý có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở mục này.

- 3) Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán.

2.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

1. Công ty quản lý quỹ VFM có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư do một trong các trường hợp sau:
 - a. Sở Giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
 - b. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - c. Quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - d. Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1, mục 2.7 này, Công ty quản lý quỹ VFM phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sẽ phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
3. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 1, mục 2.7 này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi tối đa ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, công ty quản lý quỹ phải tổ chức đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

2.8 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSD ban hành.

2.9 Xác nhận giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo số lượng lô ETF/chứng khoán cơ cấu và số tiền nộp thực có trên tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư; theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ ETF, và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.

- Việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 hoặc ngược lại, và việc đăng ký, lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm, hủy đăng ký, rút lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ được thực hiện theo quy định của VSD.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành thêm do thực hiện giao dịch hoán đổi được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ VFM không phát hành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư ngay sau khi VFM hoàn tất việc đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF này với VSD.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 được Quỹ mua lại do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi sẽ bị hủy bỏ đồng thời bị hủy đăng ký tại VSD.

2.10 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng khoán cơ cấu hoặc chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 dùng để hoán đổi không đủ tương ứng theo lệnh đã đặt tại thời điểm VSD kiểm tra theo quy định của Bản cáo bạch này.

Tiền chênh lệch, các loại phí dành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ không thanh toán đúng thời hạn. Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

2.11 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 trước thời điểm quy định như trên
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (FIICA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (FIICA) theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (FIICA) (nếu là nhà đầu tư nước ngoài) cho thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lần đầu. Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có những chỉ định khác bằng văn bản. Công ty quản lý Quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là “tài khoản góp vốn, mua cổ phần” (FIICA) (nếu là nhà đầu tư nước ngoài).

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh theo nguyên tắc sau:
 - Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
 - Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nơi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 niêm yết;

- Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ Quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC

1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ VFM

Công ty VFM thành lập vào tháng 7 năm 2003, khởi đầu là công ty liên doanh của hai định chế tài chính lớn tại Việt Nam là Dragon Capital – công ty quản lý quỹ nước ngoài hàng đầu và lâu đời tại Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – một trong những ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam. Sau thời gian hoạt động và phát triển, để khẳng định thế mạnh của công ty quản lý quỹ cũng như cam kết chất lượng dịch vụ, kể từ tháng 1 năm 2009, công ty chuyển đổi từ liên doanh sang cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM). Trong năm 2010, Công ty VFM đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ lên 229,5 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 79/UBCK-GP ngày 04/11/2010.

Với mô hình hoạt động mới, công ty VFM đã tận dụng nguồn lực tập trung, kinh nghiệm lâu năm, uy tín, tiềm lực vững mạnh của Dragon Capital và các đối tác chiến lược khác từ các tổ chức tài chính lớn có uy tín trên TTCK. Tất cả hội tụ thành sức mạnh tổng lực tạo nhiều lợi thế cạnh tranh hơn cho công ty VFM trên thị trường tài chính Việt Nam. Hiện nay, tổng tài sản Công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý khoảng khoảng 1.591 tỷ đồng (tính đến 31/12/2015) với gần 6.000 nhà đầu tư là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các sản phẩm quỹ: Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFMVF1), Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4), Quỹ đầu tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA), Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) và một số nguồn vốn ủy thác khác.

Các quỹ do công ty VFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1):

Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ đại chúng đầu tiên do công ty VFM quản lý với tổng vốn huy động ban đầu là 300 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ đầu tư với chiến lược đầu tư là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào danh mục đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ trên thị trường Việt Nam.

Quỹ đầu tư VFMVF1 đã tăng vốn điều lệ lần 1 từ 300 tỷ lên 500 tỷ đồng vào năm 2006 và tiếp tục tăng vốn điều lệ lần 2 thành công từ 500 tỷ lên 1.000 tỷ đồng vào năm 2007. Quỹ đầu tư VF1 được xem là một trong những chứng chỉ quỹ đóng có tính thanh khoản cao trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Vào ngày 08/10/2013, Quỹ VFMVF1 đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở đại chúng có giá trị chuyển đổi lớn nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2):

Quỹ VF2 là quỹ thành viên đầu tiên được thành lập vào tháng 12/2006 với sự tham gia góp vốn của 15 đối tác lớn trong ngành tài chính, ngân hàng và công ty niêm yết lớn, đặc biệt là tổ chức tài chính của chính phủ Hà Lan – FMO. Quỹ VF2 có số vốn huy động ban đầu là 400 tỷ đồng và đã tăng vốn điều lệ lên thành 963,9 tỷ đồng vào tháng 12 năm 2006. Quỹ VF2 được gia hạn thời gian hoạt động đến hết năm 2014,

- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4):

Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ đại chúng thứ hai do công ty VFM quản lý và được niêm yết tại SGD Tp HCM vào năm 2008 với tổng vốn huy động ban đầu là 806,46 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ đầu tư năng động với phong cách linh hoạt từ đầu tư giá trị tới đầu tư tăng trưởng. Tài sản đầu tư quỹ hướng tới chủ

yếu là các cổ phiếu và các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản và nguồn vốn, thị phần kinh doanh, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu cơ bản khác...) trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Quỹ VFMVF4 cũng đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở vào ngày 16/12/2013.

- Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA):

Đây là quỹ đại chúng thứ ba do công ty VFM huy động, quản lý với số vốn ban đầu là khoảng 240,4 tỷ đồng, hoạt động trong vòng 05 năm. Đây là quỹ đầu tiên áp dụng mô hình định lượng (Quant model), với chiến lược đầu tư là ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên thị trường. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khi thị trường có xu hướng giảm (trend following).

Quỹ VFMVFA là quỹ đóng đầu tiên được chuyển đổi sang quỹ mở vào ngày 18/4/2013.

- Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB):

Quỹ VFMVFB là quỹ hoạt động theo mô hình quỹ mở chuyên đầu tư vào tín phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư lên tới 80% giá trị tài sản của quỹ. Quỹ được huy động với số vốn ban đầu khoảng 100 tỷ đồng vào tháng 6/2013. Quỹ VFMVFB được tư vấn từ các chuyên gia hàng đầu về chứng khoán nợ từ Công ty quản lý quỹ Dragon Capital.

- Quỹ hoán đổi danh mục VFMVN30:

Quỹ ETF VFMVN30 là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN30-TRI sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo giấy phép số 52/GCN-UBCK vào ngày 04/07/2014. Quỹ ETF VFMVN30 kết thúc giai đoạn IPO với tổng số vốn huy động được là hơn 200 tỷ đồng.

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty VFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty VFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|--|
| ▪ Ông Dominic Scriven | Chủ tịch |
| ▪ Ông Trần Thanh Tân | Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông Lê Hoàng Anh | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Cựu | Thành viên HĐQT |
| ▪ Bà Lương Thị Mỹ Hạnh | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Đầu tư |

Chi tiết của các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty VFM được trình bày ở website Công ty VFM tại www.vinafund.com

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM

- Ông Trần Thanh Tân Tổng Giám đốc
- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Lê Minh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

Chi tiết của các thành viên trong Ban điều hành của Công ty VFM được trình bày ở website Công ty VFM tại www.vinafund.com

1.3 Giới thiệu nhân viên quản trị quỹ

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Người điều hành Quỹ ETF VFMVN30
- Ông Vũ Đức Sửu Người điều hành Quỹ ETF VFMVN30

2. Thành viên lập quỹ

Các thành viên lập quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 là những công ty chứng khoán hàng đầu, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm các công ty chứng khoán sau:

a) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính tại: Lầu 5 & 6 Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3823 3299 Fax: (08) 3823 3301

Công ty HSC được thành lập ngày 23/04/2003 theo Giấy phép hoạt động số 4103001573/GPHĐKD của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003. Công ty HSC cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

b) Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở tại: Số 8 đường Lê Thái Tổ Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh tại: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (04) 3928 8080 Fax: (04) 3928 9888

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài Chính Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài Chính, theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999. Các sản phẩm dịch vụ hiện có tại BVSC: Dịch vụ chứng khoán; Dịch vụ phân tích nghiên cứu; Dịch vụ ngân hàng đầu tư; và Dịch vụ nguồn vốn và đầu tư tài chính.

Danh sách các thành viên lập quỹ sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

3. Danh sách Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ

Danh sách các Đại lý phân phối chỉ định (nếu có) được nêu và sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

4. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

5. Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF VFMVN30, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ là Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty Kiểm toán Ernst & Young.

6. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

7. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)

Địa chỉ: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Điện thoại: + 84 4 39747113 Fax: + 84 4 39747120

Được thành lập theo Quyết định số 171/2008/QĐ- TTg Ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển đổi, tổ chức lại Trung tâm lưu ký chứng khoán sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo quy định của Luật chứng khoán.

8. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

8.1 Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.
- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ VFM hoặc do đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ VFM chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc.

- Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày định giá. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

8.2 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;
- Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ.
- Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;
- Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty quản lý quỹ có hiệu lực;

- Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ ETF VFMVN30 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, và được lấy đến hai (02) số thập phân.
- Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành và được làm tròn đến hàng đơn vị.
- Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ;
- Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
4.	Trái phiếu không niêm yết	Giá mua cộng lãi lũy kế.
5.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	Giá mua.
Cổ phiếu		
6.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Chứng khoán phái sinh		
9.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
10.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết bên dưới ở phần này.
Các tài sản khác		
12.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được quy định của pháp luật cho phép.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
 - Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
 - Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh
- a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
 - b. Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

VII. PHÍ, LỆ PHÍ

1. Các loại phí do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trả:

1.1 Phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Là phí mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi mua lô chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch hoán đổi, sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được thành lập. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.

Phí phát hành áp dụng như sau:

- Đối với thành viên lập quỹ là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
- Đối với nhà đầu tư là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

1.2 Phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Là phí mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi thực hiện hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được thành lập. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
- Phí này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô ETF lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát không trễ hơn vào 12 giờ ngày T+1, một (1) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi.
- Phí mua lại áp dụng như sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

2. Các loại phí do Quỹ trả:

a. Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. Phí này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
$$\text{Phí quản lý cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ } 0,65\% \text{ phí quản lý (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

b. Phí lưu ký và giám sát

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Phí lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức phí này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức phí trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
$$\text{Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí giám sát, lưu ký (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
$$\text{Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí dịch vụ quản trị quỹ (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

Tổng phí giám sát, lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng phí giám sát, lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV bình quân gia quyền /năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

d. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30.
- Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Công thức tính phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
$$\text{Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng} = \text{Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng} / \text{số ngày thực tế của tháng} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá}$$
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

e. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu. Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.
- Công thức tính phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
$$\text{Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

f. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.
- Công thức tính phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
$$\text{Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá} / \text{số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu

g. Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

- Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ.
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;

- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế nêu tại mục 1.3 và 1.4 trên.

- a. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

- b. Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{(\text{NAV/CU})_i}{(\text{NAV/CU})_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{(\text{VN30-TRI})_i}{(\text{VN30-TRI})_{i-1}} \right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$n = 26$

Index: chỉ số tham chiếu VN30-TRI của Quỹ ETF VFMVN30.

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

VIII. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

- Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ VFM và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ VFM phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư.
- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại phần này;
 - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Mức chi trả lợi tức do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;
 - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện sau:
 - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
 - Đáp ứng nguyên tắc chi trả cổ tức của Quỹ nêu tại Bản cáo bạch này.
- Công ty quản lý quỹ VFM được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Công ty quản lý quỹ VFM phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.
- Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- Công ty quản lý quỹ sẽ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

X. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện và công bố thông tin các báo cáo định kỳ, bất thường của Quỹ ETF VFMVN30 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm như sau:

- Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm gửi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thông kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ các tài liệu sau đây:
 - Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt,
 - Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm;
 - Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, hàng tháng, bán niên và cả năm.
- Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ VFM công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:
 - Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
 - Số lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chênh lệch so với ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
 - Thông tin về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; chỉ số tham chiếu và biến động của chỉ số tham chiếu;
 - Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
 - Sai lệch của cơ cấu đầu tư so với hạn chế đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
 - Việc định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);
 - Giải thể quỹ (nếu có);
 - Thay thế ngân hàng giám sát (nếu có);
 - Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
 - Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).
- Định kỳ hàng tuần, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).
- Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty các nội dung sau:
 - Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có),
 - Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có),
 - Tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

Ngoài ra, có thể có các báo cáo khác được cung cấp từ công ty quản lý quỹ trong phạm vi khả năng thực hiện được. Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang web của công ty VFM tại www.vinafund.com

**XII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 3825 1488 Fax: (08) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 3942 8168 Fax: (04) 3942 8169

Ngoài ra, nhà đầu tư cũng có thể liên hệ với tất cả các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 để được giải đáp các vấn đề liên quan.

XIII. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XIV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Danh sách các Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2016

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát



Madhavi Daluwatte

Giám Đốc Nghiệp Vụ

Khởi Nghiệp Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp

Chủ tịch Công ty quản lý quỹ VFM

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ VFM



TRẦN THANH TÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ETF VFMVN30

(áp dụng từ khi Quỹ ETF VFMVN30 được cấp giấy phép từ UBCKNN cho đến khi có thông báo mới)

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ:

a. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – HSC

Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền: **901 961 22 504**

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 3823 3299 Fax: (08) 3823 3301

Chi nhánh tại Hà Nội:

- Địa chỉ: Lầu 4-5, toà nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3922 4693 Fax: (04) 3933 4822

b. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền: **901 961 22 505**

Trụ sở chính tại Hà Nội

- Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3928 8080 Fax: (04) 3928 9888

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 3914 6888 Fax: (08) 3914 7999

2. Danh sách các đại lý phân phối khác:

Hiện tại Quỹ ETF VFMVN30 chưa có đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ VFM sẽ cập nhật đến nhà đầu tư trong trường hợp Quỹ có đại lý phân phối.